

Bản án số: **41/ 2017/ HSST**
Ngày 28 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Ông Đặng Văn Chiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Lộc - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Mai Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 36 /2017/ HSST ngày 31 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn P, sinh năm 1986. Trú tại: Tổ 12, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không nghề. Trình độ văn hoá: 12/12. Con ông Nguyễn Duy Đ (tên khác: Nguyễn Văn Đ) và bà Đặng Thị Đ; bị cáo có vợ là: Ngô Thị Lệ Q, sinh năm 1991; có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: ngày 17/9/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, 20 tháng thử thách về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại địa P (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Đinh Thành H, sinh năm 1986. Trú tại: Tổ 15, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: Lớp 12/12. Con ông Đinh Văn Đ và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: ngày 26/11/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đến ngày 30/8/2013 được đặc xá, chấp hành xong hình phạt. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại địa P (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Chị Lê Thị X, sinh năm 1983. Địa chỉ: TDP P, phường S, thành phố C, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Văn D, sinh năm 1960. Địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

2/ Chị Ngô Thị Lệ Q, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ 12, phường C, thành phố C, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

Người làm chứng:

1/ Anh Trần Văn B, sinh năm 1983. Địa chỉ: TDP P, phường S, thành phố ng C, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Luân, sinh năm 1958. Địa chỉ: TDP P, phường S, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

3/ Anh Hà Đình Hoàn, sinh năm 1977. Địa chỉ: TDP P, phường S, thành phố C tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

4/ Anh Trần Hồng Việt, sinh năm 1982. Địa chỉ: TDP P, phường S, thành phố C, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn P và Đinh Thành H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 02/3/2017, Nguyễn P chuẩn bị 01 chiếc vạm phá khóa hình chữ L cho vào túi áo khoác đang mặc, điều khiển xe mô tô biển số 20C1-12115 đi từ nhà ở tổ 12 đến nhà Đinh Thành H ở tổ 15, phường C, thành phố T. Sau đó, H chở P đến Trung tâm y tế phường Trung Thành để uống thuốc methadone. Sau khi uống thuốc, H chở P đến khu vực phường S chơi, rồi đi theo đường quốc lộ 37 về nhà. Khi đi đến đoạn đường thuộc tổ dân phố P, phường S, thành phố C, P phát hiện thấy xe mô tô biển số 20M5- 8371 dừng ở sát lề đường bên phải hướng Phú Bình - Thái Nguyên không có người trông coi, nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. P bảo H dừng xe cách đó khoảng 20 mét để cảnh giới còn P đi đến chỗ dừng xe, lấy vạm phá khóa chuẩn bị từ trước tra vào ổ khóa điện rồi dùng tay phải vặn vạm theo chiều kim đồng hồ thì mở được khóa điện của xe. Đúng lúc này, chị X đang làm ruộng ở gần đó phát hiện thấy P đang trộm cắp xe của mình nên hô “Trộm, trộm” và chạy đến chỗ chiếc xe. Bị phát hiện, P rút vạm phá khóa ra rồi chạy đến chỗ H đang đứng đợi, H điều khiển xe chở P bỏ chạy về hướng thành phố Thái Nguyên. Khi cả hai bỏ chạy được khoảng 100 mét thì H và P bị ngã xuống mương nước và bị quần chúng nhân dân bắt giữ, báo Công an đến lập biên bản, tạm giữ vật chứng: xe mô tô biển số 20M5- 8371 (đã bị hỏng ổ khóa điện); xe mô tô biển số 20C1- 121.15 và 01 chiếc vạm phá khóa hình chữ L tại vị trí P và H bị ngã.

Tại bản kết luận định giá số 18 ngày 23/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công, kết luận: trị giá của xe mô tô biển kiểm soát 20M5- 8371 là 5.000.000đ, 01 ổ khóa điện có giá trị là 150.000đ.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị X xe mô tô hiệu Honda, biển số 20M5-8371. Xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 20C1-121.15 là xe của chị Ngô Thị Lệ Q (vợ bị cáo P), xác định chị Q không biết các bị cáo sử dụng

xe đi trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra đã trả cho chị Q quản lý, sử dụng. Chiếc vam hình chữ “L” đã được chuyển cho Cơ quan thi hành án dân sự bảo quản theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Chị X yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền thay bộ khóa điện và bình ắc quy với tổng số là 1.180.000đ.

Tại bản cáo trạng số 32/ KSĐT ngày 29 tháng 5 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công đã truy tố các bị cáo Nguyễn P và Đinh Thành H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi đọc bản cáo trạng, đại diện Viện kiểm sát bổ sung ý kiến, theo cáo trạng truy tố về lý lịch bị can P xác định có 01 tiền án, nhưng qua tài liệu bổ sung của Cơ quan điều tra lấy lời khai của anh N, là người bị cáo P phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 5.000.000đ theo bản án hình sự số 336/2012/HSST ngày 19/7/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, thể hiện sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, bị cáo P đã tự trả xong cho anh N số tiền trên, nên anh không yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành. Vì vậy, Viện kiểm sát xác định lại, bản án số 336/2012/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên bị cáo P đã được xóa án tích, không phải là tiền án, mà đưa vào nhân thân của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo P và H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm b,p khoản 1 Điều 46/ Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo P từ 12 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1 Điều 46/ Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo H từ 09 đến 12 tháng tù.

+ Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 76/ Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 41/ Bộ luật Hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc vam hình chữ L.

+ Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận. Bị cáo P nói lời sau cùng xin được hưởng mức án thấp nhất, bị cáo H xin được hưởng mức án tương xứng với tính chất hành vi bị cáo đã thực hiện.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản sự việc, biên bản xác định hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thấy đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng gần trưa ngày 02/3/2017, Đinh Thành H điều khiển xe mô tô biển số 20C1-121.15 chở Nguyễn P trên đường về qua khu vực tổ dân phố P, phường S, thành phố C. Thấy xe mô tô biển số 20M5- 8371 của chị Lê Thị X không có ai trông coi, H đã đứng cạnh giới để Nguyễn P dùng vạm phá khóa, trộm cắp xe mô tô của chị X. Khi P vừa phá hỏng ổ, mở khóa xe thì chị X phát hiện tri hô, bị cáo P lên xe mô tô bị cáo H đang đứng đợi cùng bỏ chạy được khoảng 100m thì bị quần chúng nhân dân bắt giữ. Theo kết luận định giá, xe mô tô H và P trộm cắp có giá trị là 5.000.000đ, đồng thời gây thiệt hại về tài sản (làm hỏng ổ khóa điện của xe) 150.000đ.

Mặc dù các bị cáo P, H không thực hiện được đến cùng hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của chị X đang quản lý (chưa dịch chuyển được tài sản), nhưng đó là do nguyên nhân ngoài ý muốn của các bị cáo (do bị phát hiện), các bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt theo quy định tại Điều 18 của Bộ luật hình sự năm 1999. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ. Nội dung điều luật quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

.....”

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, cụ thể trong vụ án này là chiếc xe mô tô trị giá 5.000.000đ chị Lê Thị X đang quản lý. Gây mất trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa Phương.

Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, với vai trò là đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo H là người giúp sức, cảnh giới cho bị cáo P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Xét nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy:

Về nhân thân: Các bị cáo đều sinh ra, lớn lên tại địa Phương, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12, có đủ nhận thức, làm chủ được hành vi của mình nhưng vẫn cố tình phạm tội. Cả hai bị cáo năm 2012 đều bị kết án phạt tù về tội chiếm đoạt tài sản (bị cáo P bị kết án phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, bị cáo H 24 tháng tù giam), tuy nhiên đều đã được đương nhiên xóa án tích. Đối với lần phạm tội này, các bị cáo đều được xác định là không có tiền án, tiền sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo P và H đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội gây thiệt hại không lớn và thành khẩn khai báo quy định tại điểm g,p khoản 1; ngoài ra đối với bị cáo P còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, các bị cáo chưa thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội. Trong vụ án này, mặc dù các bị cáo đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội được xác định là không có tiền án, tiền sự nhưng trước đó đều đã từng bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học, tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên cần xét xử bằng án phạt tù, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cân nhắc vai trò và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, để xét xử mức án phù hợp với từng bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo hiện đều là người nghiện chất ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Xe mô tô biển số 20M5-8371 là tài sản các bị cáo trộm cắp, Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại là chị Lê Thị X; xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 20C1-121.15 là xe của chị Ngô Thị Lệ Q (vợ bị cáo P), chị Q không biết các bị cáo sử dụng xe đi trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe cho chị Q quản lý sử dụng là phù hợp. Chiếc vạm hình chữ “L” là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần được tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị X yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền thay bộ khóa điện và bình ắc quy với tổng số tiền 1.180.000đ. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo P và gia đình đã thỏa thuận bồi thường xong cho chị X, cần được ghi nhận. Sau này, nếu bị cáo P có yêu cầu bị cáo H thanh toán phần trách nhiệm liên đới sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự. Ông D là chủ sở hữu xe mô tô bị trộm cắp (xe chị X đang được giao quyền quản lý, sử dụng) và chị Q là chủ sở hữu xe mô tô biển số 20C1-121.15 không có ý kiến, đề nghị gì, không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Do các bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn P, Đinh Thành H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm b, g, p khoản 1 Điều 46; Điều 53/ Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn P **12** (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 53/ Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Đinh Thành H **12** (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Ghi nhận sự thỏa thuận, bị cáo Nguyễn P và gia đình đã tự nguyện bồi thường xong cho chị Lê Thị X số tiền 1.180.000đ.

*** Về vật chứng của vụ án:** Áp dụng Điều 76/ Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 41/ Bộ luật Hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc vạm hình chữ L (tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/5/2017 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công).

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 99/ Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo P và H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước

*** Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 231, 234 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Báo cho các bị cáo P, H; người bị hại X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan D biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP. Sông Công;
- Công an TP. Sông Công;
- Các bị cáo; NBH; NLQ;
- UBND P. C (kèm TB KQ XX);
- THA: H.sự, D.sự (án đã có hiệu lực);
- Sở T.pháp T. TN(án đã có hiệu lực);
- Công TTĐT, TANDTC(án đã có hiệu lực);
- L- u: 3b.

Dương Văn Phong